

Bản án số: 13/2024/KDTM-PT

Ngày: 05-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Thu Thương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2024/TLPT-KDTM ngày 22 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 12/2024/KDTM – ST ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2744/2024/QĐ – PT ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở: số B L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người được ủy quyền ký đơn khởi kiện: Ông Tô Minh H – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố B (theo Văn bản ủy quyền số 2665 ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N).

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn M – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố B (theo Văn bản ủy quyền

số 116 ngày 01/4/2024 của Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố B, có mặt).

Địa chỉ chi nhánh: số G - G, đường N, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Luật gia Trần Lương P – Hội viên Hội Luật gia tỉnh B. Địa chỉ liên hệ: số B, Đại lộ D, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2.

Địa chỉ trụ sở: số A, Khu phố C, Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng M1 – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Trọng H1, sinh năm 1954;

Địa chỉ: số C, ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3.2. Ông Nguyễn Hoàng M1, sinh năm 1982;

Địa chỉ: số A, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trọng H1 và ông Nguyễn Hoàng M1: Ông Trương Văn T, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

3.3. Bà Trần Thị C, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

4. Người kháng cáo: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng H1, ông Nguyễn Hoàng M1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N là ông Nguyễn Văn M trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 và Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố B đã ký kết hợp đồng tín dụng số: 7101-LAV-202300903 ngày 04/07/2023; hạn mức tín dụng: 32.000.000.000 đồng; số tiền giải ngân: 31.500.000.000 đồng; mục đích vay: làm vốn lưu động bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,0%/năm, mức lãi suất cho vay cụ thể áp dụng đối với các lần giải ngân sẽ được quy định trong các giấy nhận nợ (tại thời điểm giải ngân là 9,0%/năm); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả

theo mức lãi suất bằng 10%/năm; thời hạn duy trì hạn mức hợp đồng kể từ ngày 04/7/2023 đến hết ngày 04/7/2024, thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể (tối đa không quá 6 tháng); phương thức trả nợ vay: khách hàng trả nợ gốc và nợ lãi vào ngày đến hạn trả nợ được ghi trong giấy nhận nợ.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông Nguyễn Trọng H1, bà Trần Thị C và ông Nguyễn Hoàng M1 đã ký kết với Ngân hàng các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, gồm:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7101/2022/01/PK/HĐTC ngày 25/05/2022 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp nêu trên giữa Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố B với ông Nguyễn Trọng H1, bà Trần Thị C; tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 103, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.753,7m², tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DB176139, số vào sổ cấp giấy: CS10486 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Trần Thị C ngày 08/7/2021.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7101/2022/01/ĐT/HĐTC ngày 25/05/2022 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp nêu trên giữa Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố B với ông Nguyễn Hoàng M1; tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 330, tờ bản đồ số 37, diện tích 3.028,2m², tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DD348701, số vào sổ cấp giấy: CS07142 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Nguyễn Hoàng M1 ngày 15/02/2022.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7101/2022/99/AH/HĐTC ngày 15/06/2022 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp nêu trên giữa Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố B với ông Nguyễn Trọng H1, bà Trần Thị C, tài sản thế chấp là quyền sử dụng các thửa đất:

- + Thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 24, diện tích 2.577,8m², tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DB039001, số vào sổ cấp giấy: CS13262 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Nguyễn Trọng H1 ngày 12/4/2021.

- + Thửa đất số 1053, tờ bản đồ số 24, diện tích 759,4m², tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản

khác gắn liền với đất số: CY307000, số vào sổ cấp giấy: CS13263 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Nguyễn Trọng H1 ngày 12/4/2021.

+ Thửa đất số 159, tờ bản đồ số 24, diện tích 652,4m², tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY306995, số vào sổ cấp giấy: CS13267 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Nguyễn Trọng H1 ngày 12/4/2021.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7101/2022/88/AH/HĐTC ngày 04/7/2022 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp nêu trên giữa Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố B với ông Nguyễn Trọng H1, bà Trần Thị C, tài sản thế chấp là quyền sử dụng các thửa đất:

+ Thửa đất số 242, tờ bản đồ số 24, diện tích 644,6m², tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY306997, số vào sổ cấp giấy: CS13266 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Nguyễn Trọng H1 ngày 12/4/2021.

+ Thửa đất số 1107, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.293,8m², tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY306998, số vào sổ cấp giấy: CS13264 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Nguyễn Trọng H1 ngày 12/4/2021.

+ Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 24, diện tích 406,2m², tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DB039355, số vào sổ cấp giấy: CS13312 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Nguyễn Trọng H1 ngày 16/4/2021.

+ Thửa đất số 160, tờ bản đồ số 24, diện tích 707,5m², tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY306996, số vào sổ cấp giấy: CS13260 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Nguyễn Trọng H1 ngày 12/4/2021.

Trong quá trình vay vốn, Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 không thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết, vi phạm trả nợ và để nợ quá hạn phát sinh, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc nhưng Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, đến hết ngày 14/6/2024 dư nợ gốc, lãi là: 33.292.562.916 đồng (bao gồm: nợ gốc

31.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.589.301.366 đồng, nợ lãi quá hạn 175.839.042 đồng, lãi chậm trả 27.422.508 đồng).

Vì vậy, Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 trả cho Ngân hàng số tiền nợ đã vay tính đến hết ngày 14/6/2024 là 33.292.562.916 đồng (bao gồm: nợ gốc 31.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.589.301.366 đồng, nợ lãi quá hạn 175.839.042 đồng; lãi chậm trả: 27.422.508 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 15/6/2024 đến khi trả tất nợ cho Ngân hàng. Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp gồm: thửa 103, tờ bản đồ số 42, tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; thửa 330, tờ bản đồ số 37, tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre; các thửa 159, 160, 163, 242, 1053, 1054, 1107, cùng tờ bản đồ số 24, tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C nhưng các đương sự vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình tố tụng, người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng H1 và ông Nguyễn Hoàng M1 trình bày:

Ông Nguyễn Trọng H1 và ông Nguyễn Hoàng M1 thống nhất với lời trình bày của Ngân hàng về việc ký kết các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Nguyễn Trọng H1, ông Nguyễn Hoàng M1 với Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố B nhằm bảo đảm cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 vay vốn. Do Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 đang gặp khó khăn về tài chính nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, ông H1 và ông M1 đề nghị được trả nợ thay cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 với số tiền nợ gốc là 31.500.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, đề nghị Ngân hàng bỏ tiền lãi cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2. Trường hợp ông H1 và ông M1 không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì các ông đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp tại các hợp đồng thế chấp đã ký kết theo quy định.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 12/2024/KDTM – ST ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, cụ thể:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N toàn bộ số nợ tính đến hết ngày 14/6/2024 là 33.292.562.916 đồng, bao gồm: nợ gốc 31.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.589.301.366 đồng, nợ lãi quá hạn 175.839.042 đồng, nợ lãi chậm trả 27.422.508 đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7101-LAV-202300903 ngày 04/07/2023 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố B và Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 kể từ ngày 15/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng N.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn H2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ vay thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7101/2022/01/PK/HĐTC ngày 25/5/2022 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7101/2023/01/PK/HĐSĐBS ngày 04/7/2023 giữa Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố B và ông Nguyễn Trọng H1, bà Trần Thị C, cụ thể là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 103, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.753,7m², tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7101/2022/01/ĐT/HĐTC ngày 25/5/2022 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7101/2023/011/ĐT/HĐSĐBS ngày 04/7/2023 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố B và ông Nguyễn Hoàng M1, tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 330, tờ bản đồ số 37, diện tích 3.028,2m², tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7101/2022/99/AH/HĐTC ngày 15/6/2022 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7101/2023/99/AH/HĐSĐBS ngày 04/7/2023 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố B và ông Nguyễn Trọng H1, bà Trần Thị C, tài sản thế chấp là 03 quyền sử dụng

đất sau: thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 24, diện tích 2.577,8m², tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre; thửa đất số 1053, tờ bản đồ số 24, diện tích 759,4m², tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre; thửa đất số 159, tờ bản đồ số 24, diện tích 652,4m², tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7101/2022/88/AH/HĐTC ngày 04/7/2022 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7101/2023/88/AH/HĐBS ngày 04/7/2023 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố B và ông Nguyễn Trọng H1, bà Trần Thị C, tài sản thế chấp là 04 quyền sử dụng đất sau: thửa đất số 242, tờ bản đồ số 24, diện tích 644,6m², tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre; thửa đất số 1107, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.293,8m², tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre; thửa đất số 163, tờ bản đồ số 24, diện tích 406,2m², tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre; thửa đất số 160, tờ bản đồ số 24, diện tích 707,5m², tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/6/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng H1, ông Nguyễn Hoàng M1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Ngân hàng N – chi nhánh thành phố B có chính sách miễn, giảm tiền lãi suất chậm trả, lãi quá hạn để các ông có điều kiện trả vốn gốc vì kinh tế khó khăn.

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng H1, ông Nguyễn Hoàng M1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của ông H1 và ông M1, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng và bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 tự nguyện ký kết hợp đồng tín dụng nên các bên phải có nghĩa vụ tuân thủ các nội dung đã thoả thuận, trong đó có các điều khoản về tính lãi. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng do đó phải trả tiền lãi cho Ngân hàng theo mức lãi đã thoả thuận tại hợp đồng tín dụng, giữa hai bên không có thoả thuận về việc miễn, giảm tiền lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H1, ông M1 giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: nguyên đơn Ngân hàng N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng M1, ông Nguyễn Trọng H1 chấp hành đúng quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự. Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C không tham gia trong quá trình giải quyết vụ án là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng H1, ông Nguyễn Hoàng M1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng H1, ông Nguyễn Hoàng M1, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng H1 và ông Nguyễn Hoàng M1 có yêu cầu xét xử vắng mặt căn cứ theo Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người này.

Về nội dung:

[1] Các đương sự đều thừa nhận Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 và Ngân hàng N - chi nhánh thành phố B có ký kết hợp đồng tín dụng số 7101-LAV-202300903 ngày 04/07/2023; đồng thời, ông Nguyễn Trọng H1, bà Trần Thị C, ông Nguyễn Hoàng M1 đã ký các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7101/2022/01/PK/HĐTC ngày 25/05/2022, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7101/2022/01/ĐT/HĐTC ngày 25/05/2022, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7101/2022/99/AH/HĐTC ngày 15/06/2022, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7101/2022/88/AH/HĐTC ngày 04/7/2022 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N (viết tắt là Ngân hàng) theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết, tính đến hết ngày 14/6/2024 bị đơn còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc 31.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.589.301.366 đồng, nợ lãi quá hạn 175.839.042 đồng, nợ lãi chậm trả 27.422.508 đồng, đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Hoàng M1, ông Nguyễn Trọng H1 kháng cáo yêu cầu Ngân hàng N có chính sách miễn, giảm tiền lãi chậm trả, lãi quá hạn để các ông có điều kiện trả vốn gốc vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, do đó cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại nội dung này, các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

[2] Bị đơn và Ngân hàng đã tự nguyện ký kết hợp đồng tín dụng, không bị ai ép buộc và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật nên các bên có nghĩa vụ tuân thủ quyền và nghĩa vụ theo nội dung hợp đồng tín dụng. Tại Điều 2, Điều 3 của hợp đồng tín dụng số 7101-LAV-202300903 ngày 04/07/2023, hai bên thỏa thuận như sau: Ngân hàng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 vay số tiền 32.000.000.000 đồng (Ngân hàng đã giải ngân số tiền 31.500.000.000 đồng thông qua các giấy nhận nợ); mục đích vay: làm vốn lưu động bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,0%/năm, mức lãi suất cho vay cụ thể áp dụng đối với các lần giải ngân sẽ được quy định trong các giấy nhận nợ (tại thời điểm giải ngân là 9,0%/năm); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả theo mức lãi suất bằng 10%/năm; thời hạn duy trì hạn mức hợp đồng kể từ ngày 04/7/2023 đến hết ngày 04/7/2024, thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể (tối đa không quá 06 tháng); phương thức trả nợ vay: khách hàng trả nợ gốc và nợ lãi vào ngày đến hạn trả nợ được ghi trong giấy nhận nợ.

Sau khi nhận tiền vay, bị đơn thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng được quy định tại hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết. Tính đến hết ngày 14/6/2024, bị đơn còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc 31.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.589.301.366 đồng, nợ lãi quá hạn 175.839.042 đồng, nợ lãi chậm trả 27.422.508 đồng. Vì vậy, ngoài yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc, Ngân hàng yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng tính đến hết ngày 14/6/2024 gồm: nợ lãi trong hạn 1.589.301.366 đồng; nợ lãi quá hạn 175.839.042 đồng; lãi chậm trả 27.422.508 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 15/6/2024 đến khi bị đơn trả xong nợ cho Ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cũng như quy định tại các điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 Nghị quyết Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp.

Mặt khác, giữa Ngân hàng và bị đơn không có thỏa thuận về việc miễn, giảm tiền lãi và tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng không đồng ý miễn, giảm tiền lãi cho

bị đơn. Việc thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng là nghĩa vụ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2, ông M1 và ông H1 là người thế chấp tài sản để đảm bảo khoản vay, không có nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu miễn, giảm tiền lãi cho bị đơn của ông M1, ông H1 là không phù hợp. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông M1, ông H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông M1, ông H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật nhưng ông H1 thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng H1, ông Nguyễn Hoàng M1.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 12/2024/KDTM – ST ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các điều 295, 299, 301, 303, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 463, 466 Bộ luật Dân sự; các Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, cụ thể:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N toàn bộ số nợ tính đến hết ngày 14/6/2024 là 33.292.562.916 đồng (ba mươi ba tỷ hai trăm chín mươi hai triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm mười sáu đồng), bao gồm: nợ gốc 31.500.000.000 đồng (ba mươi một tỷ năm trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn 1.589.301.366 đồng (một tỷ năm trăm tám mươi chín triệu ba trăm lẻ một nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn 175.839.042 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm ba mươi chín nghìn không trăm bốn mươi hai đồng), nợ lãi

chậm trả 27.422.508 đồng (hai mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn năm trăm lẻ tám đồng).

Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7101-LAV-202300903 ngày 04/07/2023 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố B với Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 kể từ ngày 15/6/2024 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng N.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ vay thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7101/2022/01/PK/HĐTC ngày 25/5/2022 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7101/2023/01/PK/HĐSĐBS ngày 04/7/2023 giữa Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố B với ông Nguyễn Trọng H1 và bà Trần Thị C, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 103, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.753,7m², tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7101/2022/01/ĐT/HĐTC ngày 25/5/2022 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7101/2023/011/ĐT/HĐSĐBS ngày 04/7/2023 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố B với ông Nguyễn Hoàng M1, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 330, tờ bản đồ số 37, diện tích 3.028,2m², tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7101/2022/99/AH/HĐTC ngày 15/6/2022 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7101/2023/99/AH/HĐSĐBS ngày 04/7/2023 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố B với ông Nguyễn Trọng H1 và bà Trần Thị C, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất 03 thửa đất gồm: thửa đất số 1054, diện tích 2.577,8m²; thửa đất số 1053, diện tích 759,4m²; thửa đất số 159, diện tích 652,4m², cùng tờ bản đồ số 24, tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7101/2022/88/AH/HĐTC ngày 04/7/2022 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7101/2023/88/AH/HĐBS ngày 04/7/2023 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố B với ông Nguyễn Trọng H1, bà Trần Thị C, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc 04 thửa đất gồm: thửa đất số 242, diện tích 644,6m²; thửa đất số 1107, diện tích 1.293,8m²; thửa đất số 163, diện tích 406,2m²; thửa đất số 160, diện tích 707,5m², tờ bản đồ số 24, tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 phải chịu là 141.292.600 đồng (một trăm bốn mươi một triệu hai trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 70.227.000 đồng (bảy mươi triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004275 ngày 15/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Trọng H1 được miễn nộp án phí.

Ông Nguyễn Hoàng M1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0002676 ngày 09/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Ông M1 được nhận lại số tiền 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Rên

